

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2024
*“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả
tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Lợi.
2. Bà Doãn Thị Lê .

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-DS ngày 09/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH; Địa chỉ: 39 TĐT, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thanh B, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị M; Địa chỉ: 39 TĐT, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2023). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Nhất Ch; Địa chỉ: 49/01 TNH, Làng K, phường Đ Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH bà Lê Thị M trình bày:

Giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH và ông Nguyễn Nhất Ch có quan hệ mua bán vật liệu xây dựng. Đến ngày 23/01/2022, hai bên chốt nợ, Chí còn nợ lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH số tiền là

67.468.860 đồng, thỏa thuận thanh toán trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 23/01/2022. Số nợ này là ông Chí nợ lại không liên quan đến các quan hệ mua bán vật liệu xây dựng trước, sau đó; hai bên chốt công nợ và có thể hiện việc này tại Biên bản chốt nợ ngày 23/01/2022.

Nay, tôi yêu cầu ông Nguyễn Nhất Ch trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH số tiền gốc 67.468.860 đồng đồng, yêu cầu trả tiền lãi kể từ ngày 01/4/2022 theo mức lãi 10%/năm cho đến khi thanh toán xong nợ .

* Bị đơn ông Nguyễn Nhất Ch: Tại bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, trình bày:

Giữa ông và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH có mối quan hệ quen biết, nhiều lần hợp tác làm ăn với nhau; Trong năm 2017 ông đại diện cho Công ty CPXD và CGKT – chi nhánh Tây Nguyên ký hợp đồng mua bán vật liệu với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH để xây dựng thi công công trình của Công ty CPXD và CGKT. Ông đề nghị Công ty CPXD và CGKT chuyển tiền mua vật liệu cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH 800.000.000 đồng. Ông đề nghị Công ty NH có bảng kê chi tiết đối chiếu công nợ, thanh lý hợp đồng xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhưng đến nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH chưa đối chiếu công nợ giữa hai công ty và xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Ông có xác nhận công nợ đơn phương giữa ông và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH ngày 23/01/2022 là 67.468.860 đồng, ông sẽ trả khoản tiền này, nhưng đề nghị công ty NH xuất hóa đơn cho Công ty CPXD và CGKT và chốt lại công nợ cuối cùng.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: đảm bảo các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không tham gia phiên tòa, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng trong khi xét xử. Những yêu cầu kiến nghị để khắc phục vi phạm: Không.

- Nội dung: Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc là 67.468.860 đồng và nợ lãi phát sinh trên nợ gốc tính theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Đơn khởi kiện ghi ngày 12/11/2023; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Căn cước công dân tên Trần Thị Thanh B; Giấy ủy quyền ngày 12/11/2023; Căn cước công dân tên Lê Thị M; Bản tự khai ngày 27/11/2023 của bà Trần Thị Thanh B - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH; Bản tự khai ngày 13/12/2024 của ông Nguyễn Nhất Ch; Biên bản lấy lời khai bà Lê Thị M ngày 13/12/2023; Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Nhất Ch ngày 13/12/2023; Biên bản hòa giải ngày 13/12/2023; Biên bản

đối chiếu công nợ ngày 23/01/2022; Biên bản không tiến hành đối chất được ngày 23/01/2024; Biên bản đối chất ngày 22/4/2024;; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp và công khai chứng cứ ngày 08/5/2024; Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 08/5/2024; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 08/5/2024;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; bị đơn cư trú tại thành phố P, nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Việc bị đơn vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Nhất Ch đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH có quan hệ mua bán và có cho ông Nguyễn Nhất Ch nợ số tiền 67.468.860đồng. Việc nợ tiền này được xác thực bằng Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/01/2023 do ông Nguyễn Nhất Ch ký. Xét, giao dịch giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH và ông Chí là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 23/01/2022 được ông Chí xác nhận và thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ là 60 ngày, ông Chí đã phạm thời hạn thanh toán nên việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ 67.468.860 đồng là có căn cứ.

Việc bị đơn cho rằng số nợ trên liên quan đến tổ chức khác: Công ty CPXD và CGKT nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của tổ chức liên quan cùng tài liệu, chứng cứ nên không có cơ sở xem xét.

Nợ lãi: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi là 10%/năm từ ngày 01/4/2022 thì thấy rằng: yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận vì: theo nhận định ở trên Biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH và ông Nguyễn Nhất Ch có thỏa thuận thời hạn trả nợ, ông Chí đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ông Chí phải trả

tiền lãi đối với khoản tiền nợ, mức lãi nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là phù hợp; cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 01/4/2022 đến ngày 21/6/2024 được tính trên số nợ gốc là 67.468.860 đồng; thời gian tính lãi là 02 năm 02 tháng 22 ngày: $67.468.860 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 15.030.563 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Nguyễn Nhật Ch phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH là: $67.468.860 \text{ đồng} + 15.030.563 \text{ đồng} = 82.499.423 \text{ đồng}$.

[4]. Lãi suất chậm trả do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định của pháp luật.

[5]. Án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Nguyễn Nhật Ch phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Các Điều: 26, 35, 39, 70, 72, khoản 1 Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều: Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 278, Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH về việc buộc ông Nguyễn Nhật Ch trả nợ .

Buộc ông Nguyễn Nhật Ch phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH số tiền 82.499.423 đồng; trong đó nợ gốc là 67.468.860 đồng và nợ lãi là 15.030.563 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Nhật Ch phải nộp 4.125.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NH 1.954.286 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số 0001684 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.P;
- THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

